

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Về hoạt động đo đạc và bản đồ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường,

Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động đo đạc và bản đồ.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi lãnh thổ đất liền, các đảo, các quần đảo, vùng biển, lòng đất, vùng trời của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đo đạc và bản đồ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Đo đạc và bản đồ là lĩnh vực hoạt động khoa học kỹ thuật sử dụng các thiết bị, phương pháp để thu nhận, xử lý thông tin nhằm xác định các đặc trưng hình học và thông tin thuộc tính của các đối tượng địa lý ở mặt đất, lòng đất, mặt nước, lòng nước, đáy nước, khoảng không ở dạng tĩnh hoặc biến động theo thời gian và biểu thị bề mặt trái đất dưới dạng mô hình thu nhỏ bằng hệ thống ký hiệu theo các quy tắc toán học nhất định.

2. Hệ quy chiếu là hệ thống tọa độ toán học trong không gian và trên mặt phẳng để biểu thị lên đó các kết quả đo đạc và bản đồ. Hệ quy chiếu quốc gia là hệ quy chiếu được lựa chọn để sử dụng thống nhất trong cả nước.

3. Hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia là hệ thống các tọa độ gốc trắc địa, tọa độ gốc thiên văn, tọa độ gốc vệ tinh, giá trị gốc trọng lực tuyệt đối, giá trị gốc độ cao, giá trị gốc độ sâu. Hệ thống này được xác định thống nhất cho cả nước, mỗi số liệu gốc đo đạc quốc gia được gắn với một điểm có dấu mốc cố định, tồn tại lâu dài trên mặt đất được gọi là điểm gốc đo đạc quốc gia.

4. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở là toàn bộ các điểm có dấu mốc cố định trên mặt đất nhằm xác định giá trị của đại lượng thuộc các thể loại: Tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực, thiên văn, vệ tinh tại các điểm đó để làm gốc đo đạc cho từng khu vực. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phục vụ nhu cầu sử dụng chung cho tất cả các ngành và các địa phương, bao gồm: Lưới tọa độ quốc gia, lưới độ cao quốc gia, hệ thống trạm định vị vệ tinh quốc gia và hệ thống trọng lực quốc gia. Hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng là hệ thống điểm đo đạc cơ sở được thành lập phục vụ nhu cầu riêng của từng ngành hoặc từng địa phương.

5. Hệ thống không ảnh là tập hợp dữ liệu ảnh chụp, dữ liệu quét laser địa hình bề mặt trái đất từ các thiết bị đặt trên máy bay (ảnh máy bay) và trên vệ tinh hoặc tàu vũ trụ (ảnh vệ tinh), bao gồm: Hệ thống không ảnh cơ bản và hệ thống không ảnh chuyên dụng.

6. Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia là hệ thống bản đồ địa hình được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất, phủ trùm cả nước hoặc vùng lãnh thổ trên cả đất liền, hải đảo và đáy biển ở các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

7. Dữ liệu không gian địa lý là tập hợp có tổ chức thông tin về vị trí không gian và thuộc tính của các đối tượng địa lý.

8. Cơ sở dữ liệu địa lý là tập hợp có cấu trúc các dữ liệu địa lý. Cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia là cơ sở dữ liệu địa lý được xây dựng theo tiêu chuẩn quốc gia thống nhất ở các tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000, 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000, 1:100.000, 1:250.000, 1:500.000, 1:1.000.000.

9. Cập nhật cơ sở dữ liệu địa lý là hoạt động bổ sung, chỉnh lý những biến động của dữ liệu địa lý theo đối tượng thực thể cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

10. Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia là một hệ thống bao gồm dữ liệu không gian địa lý, chính sách, tiêu chuẩn, nguồn nhân lực và các công cụ cần thiết để kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu không gian địa lý một cách hiệu quả và linh hoạt.

11. Hiện chỉnh bản đồ là việc làm mới lại nội dung bản đồ cho phù hợp với thời điểm hiện tại.

12. Công trình xây dựng đo đạc bao gồm:

- a) Các trạm quan trắc cố định về thiên văn, trắc địa, vệ tinh, trọng lực, địa động lực, độ cao, độ sâu, gọi chung là trạm quan trắc cố định;
- b) Các điểm gốc đo đạc quốc gia;
- c) Các cơ sở kiểm định tham số của thiết bị đo đạc, gọi chung là các cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc;
- d) Dấu mốc của các điểm thuộc hệ thống điểm đo đạc cơ sở, gọi chung là dấu mốc đo đạc.

13. Sản phẩm đo đạc và bản đồ là kết quả của các hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Hoạt động đo đạc và bản đồ phải bảo đảm cung cấp dữ liệu địa lý phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, nâng cao dân trí và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

2. Công trình xây dựng đo đạc là tài sản của Nhà nước, phải được sử dụng và bảo vệ theo quy định của pháp luật.

3. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản phải được cập nhật thường xuyên và kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

4. Việc thành lập các sản phẩm bản đồ chuyên ngành, cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành phải sử dụng các lớp thông tin nền của bản đồ địa hình quốc gia, cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia.

5. Tổ chức, cá nhân được sử dụng các sản phẩm đo đạc và bản đồ và thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

Chương II HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Điều 5. Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản

Hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản là việc xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thành lập các sản phẩm đo đạc và bản đồ đáp ứng nhu cầu sử dụng chung cho các ngành và các địa phương, bao gồm:

1. Thiết lập hệ quy chiếu quốc gia và hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia.
2. Xây dựng và bảo trì hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia.
3. Thành lập và hiện chỉnh hệ thống bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ hành chính toàn quốc và cấp tỉnh, át-lát quốc gia.
4. Xây dựng hệ thống không ảnh cơ bản.
5. Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia.
6. Xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác hạ tầng dữ liệu không gian địa lý.

7. Đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia.
8. Đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính.
9. Xây dựng hệ thống địa danh sử dụng trong đo đạc và bản đồ.
10. Nghiên cứu khoa học trái đất bằng phương pháp đo đạc và bản đồ.

Điều 6. Hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành

1. Các hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ riêng cho yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương, bao gồm:

- a) Thiết lập hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
- b) Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng;
- c) Thành lập hệ thống bản đồ địa chính, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, thành lập bản đồ hành chính cấp huyện;
- d) Thành lập bản đồ địa hình, bản đồ chuyên đề phục vụ mục đích chuyên dụng;
- đ) Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý chuyên dụng;
- e) Khảo sát địa hình, đo đạc phục vụ thiết kế, thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.

2. Các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại các Điểm a, b, d, đ và e Khoản 1 Điều này phục vụ riêng cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân.

Điều 7. Hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng

Hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, bao gồm:

1. Xây dựng hệ quy chiếu, hệ tọa độ quân sự.
2. Xây dựng hệ thống định vị dẫn đường dùng cho quân sự.
3. Xây dựng hệ thống điểm tọa độ, điểm độ cao quân sự.
4. Xây dựng hệ thống không ảnh chuyên dụng dùng cho quân sự.
5. Xây dựng hệ thống bản đồ địa hình quân sự, hải đồ và các loại bản đồ chuyên đề dùng cho quân sự.
6. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý quân sự và các hệ thống thông tin địa lý chuyên đề dùng cho quân sự.
7. Các hoạt động khác do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 8. Kinh phí thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Kinh phí thực hiện các hoạt động đo đạc và bản đồ cơ bản, hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý của từng ngành hoặc từng địa phương do ngân sách nhà nước bảo đảm.

2. Kinh phí hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ cho nhu cầu sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm.

Điều 9. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Các tổ chức khi hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ quy định tại Điều 10 Nghị định này phải có giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp.

2. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có các nội dung chính sau:

a) Các thông tin cơ bản của tổ chức được cấp phép bao gồm tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

b) Các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép;

c) Thời hạn của giấy phép.

3. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có giá trị trong phạm vi cả nước.

4. Thời hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ là 60 tháng. Khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn, nếu tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ có nhu cầu gia hạn thì đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền gia hạn theo quy định tại Điều 14 Nghị định này; mỗi giấy phép được gia hạn một (01) lần, thời gian gia hạn không quá 36 tháng.

5. Khi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ hết thời hạn theo quy định tại Khoản 4 Điều này, tổ chức có nhu cầu tiếp tục hoạt động đo đạc và bản đồ làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới và nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 12 Nghị định này trước khi giấy phép hết hạn ít nhất là ba mươi (30) ngày.

6. Trong quá trình hoạt động đo đạc và bản đồ, nếu tổ chức có nhu cầu và có đủ điều kiện mở rộng lĩnh vực hoạt động thì được cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

7. Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường (sau đây gọi chung là Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam) là cơ quan có thẩm quyền cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 10. Danh mục các hoạt động dịch vụ đo đạc và bản đồ phải có giấy phép

1. Khảo sát, lập đề án, dự án, thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ.

2. Kiểm tra, nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Xây dựng lưới trọng lực, thiên văn, tọa độ, độ cao.

4. Chụp ảnh, quét địa hình từ máy bay.

5. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình.

6. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa hình đáy biển.

7. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa chính.

8. Thành lập bản đồ hành chính.

9. Đo vẽ, thành lập bản đồ địa giới hành chính.
10. Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ.
11. Xây dựng cơ sở dữ liệu địa lý.
12. Thành lập bản đồ chuyên đề; át-lát địa lý.
13. Khảo sát địa hình; đo đạc công trình.
14. Kiểm định các thiết bị đo đạc.

Điều 11. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Tổ chức trong nước được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ khi có đủ các điều kiện sau:

1. Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề đo đạc và bản đồ đối với tổ chức hoạt động kinh doanh; có quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trong đó có quy định chức năng, nhiệm vụ hoạt động đo đạc và bản đồ đối với đơn vị sự nghiệp.

2. Có lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ tối thiểu như sau:

- a) Một (01) kỹ thuật trưởng có trình độ đại học trở lên, chuyên ngành đào tạo về đo đạc và bản đồ, có thực tế hoạt động đo đạc và bản đồ ít nhất ba (03) năm, có hợp đồng lao động được đóng bảo hiểm từ một (01) năm trở lên, không được đồng thời là kỹ thuật trưởng của tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ khác;

- b) Bốn (04) nhân viên kỹ thuật có trình độ trung cấp trở lên, chuyên ngành đào tạo về đo đạc và bản đồ.

3. Có thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ phù hợp với định mức thiết bị quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ để thực hiện một (01) sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc nội dung đề nghị cấp phép.

Điều 12. Thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức hoạt động đo đạc và bản đồ lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

- b) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng, giấy tờ chứng minh về việc đóng bảo hiểm, bản khai quá trình công tác, quyết định bổ nhiệm của kỹ thuật trưởng;

- d) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ;

đ) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ về sở hữu thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ gồm chứng từ mua bán, thuê hoặc chuyển giao thiết bị, công nghệ.

2. Trình tự nộp hồ sơ và cấp giấy phép

a) Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các Tổng công ty do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập nộp một (01) bộ hồ sơ tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, việc yêu cầu tổ chức bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một (01) lần.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm tổ chức thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức;

b) Tổ chức đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều này nộp một (01) bộ hồ sơ tại Sở Tài nguyên và Môi trường nơi tổ chức có trụ sở chính.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ, việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một (01) lần.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, lập biên bản thẩm định và gửi biên bản thẩm định kèm theo hồ sơ cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức có đủ điều kiện, trường hợp không đủ điều kiện cấp giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức biết lý do đồng thời thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

c) Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trả giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho tổ chức kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép. Tổ chức được cấp giấy phép có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ của mình.

Điều 13. Bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ lập hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- b) Các giấy tờ như quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 12 Nghị định này đối với trường hợp thay đổi kỹ thuật trường so với thời điểm được cấp phép;
- c) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực văn bằng chuyên môn, hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng của các nhân viên kỹ thuật đo đạc và bản đồ được bổ sung so với thời điểm được cấp phép;
- d) Bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu giấy tờ về sở hữu thiết bị, công nghệ đo đạc và bản đồ được bổ sung so với thời điểm được cấp phép gồm chứng từ mua bán, thuê hoặc chuyển giao thiết bị, công nghệ;
- đ) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

2. Trình tự nộp hồ sơ và cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định này.

Điều 14. Gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ lập một (01) bộ hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- b) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép nộp tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam trước khi giấy phép hết hạn ít nhất là ba mươi (30) ngày.

Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ cho đầy đủ. Việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một (01) lần.

Khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam hoàn thành việc gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian ba (03) ngày làm việc cho tổ chức có đủ điều kiện, trường hợp không đủ điều kiện gia hạn giấy phép thì trả lời bằng văn bản cho tổ chức biết lý do.

Điều 15. Cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp lại trong các trường hợp sau:

- a) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bị mất;
- b) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bị rách nát, hư hỏng không thể sử dụng được.

2. Tổ chức nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ tại Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam. Hồ sơ gồm:

- a) Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;
- b) Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã được cấp đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

3. Khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam hoàn thành việc cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trong thời gian ba (03) ngày làm việc. Nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp phép và thời hạn của giấy phép cấp lại được giữ nguyên như của giấy phép đã cấp.

Điều 16. Mẫu hồ sơ thực hiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Mẫu số 1: Đơn đề nghị cấp, bổ sung, gia hạn, cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Mẫu số 2: Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. Mẫu số 3: Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

Điều 17. Thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép;

b) Giả mạo, gian dối trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

c) Hoạt động đo đạc và bản đồ không đúng với nội dung giấy phép được cấp;

d) Tổ chức hoạt động đo đạc bản đồ không đảm bảo được các điều kiện về lực lượng kỹ thuật và thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ theo quy định tại Khoản 2 và 3 Điều 11 Nghị định này.

2. Thủ tục thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được thực hiện như sau:

a) Sau khi nhận được văn bản kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm tra về việc xử lý một trong các trường hợp vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này, Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam xem xét, ra Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ;

b) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ, tổ chức phải nộp giấy phép cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam;

c) Thông tin về việc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

1. Chịu trách nhiệm về tính xác thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

3. Không được cho mượn, cho thuê giấy phép.

4. Báo cáo bằng văn bản với Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam khi thay đổi kỹ thuật trường hoặc thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đối với các tổ chức quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 12 Nghị định này phải đồng thời báo cáo với Sở Tài nguyên và Môi trường nơi tổ chức đóng trụ sở chính.

Điều 19. Bảo vệ công trình xây dựng đo đạc

1. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý, bảo vệ công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân khi sử dụng công trình xây dựng đo đạc phải được sự chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ ở Trung ương hoặc cấp tỉnh theo phân cấp quản lý, trong quá trình sử dụng phải giữ gìn, bảo vệ công trình, không làm hư hỏng, sử dụng xong phải khôi phục lại tình trạng như ban đầu.

3. Sau khi hoàn thành dự án đo đạc, các đơn vị thực hiện nhiệm vụ phải làm biên bản bàn giao dấu mốc kèm theo sơ đồ vị trí và tình trạng dấu mốc tại thực địa cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) với sự có mặt của chủ sử dụng đất để quản lý và bảo quản.

4. Chủ sử dụng đất và chủ sở hữu công trình nơi có các dấu mốc đo đạc có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã khi tiến hành xây dựng hoặc cải tạo công trình trong trường hợp có ảnh hưởng đến dấu mốc đo đạc.

5. Mọi hành vi dịch chuyển trái quy định, xâm hại hoặc làm hư hỏng công trình xây dựng đo đạc, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về việc quản lý, sử dụng và bảo vệ công trình xây dựng đo đạc.

Điều 20. Kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp thực hiện công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải chịu trách nhiệm về chất lượng phần công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ do mình thực hiện.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ và chịu trách nhiệm toàn bộ về chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Chủ đầu tư sử dụng cơ quan chuyên môn, thuê tổ chức có chức năng tư vấn về đo đạc và bản đồ, thuê chuyên gia để kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm.

3. Tổ chức được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có nội dung kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ thì được thực hiện kiểm tra

chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo đề nghị của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

Cá nhân thực hiện kiểm tra chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ phải đáp ứng về năng lực chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp theo yêu cầu của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước chủ đầu tư về kết quả kiểm tra.

4. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

Chương III **THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Điều 21. Hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

Hệ thống thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

1. Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia.
2. Thông tin, dữ liệu về hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia; hệ thống điểm đo đạc cơ sở quốc gia; dữ liệu từ các trạm định vị vệ tinh thường trực quốc gia.
3. Thông tin, dữ liệu về hệ thống không ảnh; dữ liệu quét laser địa hình.
4. Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa hình quốc gia, bản đồ nền, bản đồ địa chính cơ sở, bản đồ hành chính, át-lát địa lý quốc gia; thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia, địa giới hành chính các cấp.
5. Cơ sở dữ liệu địa lý quốc gia; dữ liệu về mô hình số độ cao.
6. Dữ liệu địa danh sử dụng trong hoạt động đo đạc và bản đồ.
7. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành bao gồm:
 - a) Thông tin, dữ liệu về hệ thống điểm đo đạc cơ sở chuyên dụng;
 - b) Thông tin, dữ liệu về hệ thống không ảnh chuyên dụng;
 - c) Thông tin, dữ liệu về hệ thống bản đồ địa chính, cơ sở dữ liệu bản đồ địa chính, bản đồ hành chính cấp huyện, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ quản lý đất đai khác;
 - d) Cơ sở dữ liệu địa lý chuyên ngành;
 - đ) Bản đồ chuyên đề, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác.
8. Kết quả của các dự án, chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ; các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ khác.

Điều 22. Yêu cầu quản lý và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Việc quản lý, lưu trữ, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, về sở hữu trí tuệ, về lưu trữ và theo các quy định của pháp luật có liên quan khác.

2. Chỉ được cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ dưới dạng bản sao hoặc phiên bản. Cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phải đảm bảo nguồn gốc hợp pháp của bản sao hoặc phiên bản.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp chỉ được sử dụng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp, không được sao lại hoặc chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân khác.

Trường hợp sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được cung cấp để thành lập các bộ dữ liệu thứ cấp với mục đích thương mại thì phải được sự đồng ý của cơ quan cung cấp.

4. Tổ chức, cá nhân phải nộp phí sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 23. Giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Đối với thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ là sản phẩm của các công trình, dự án thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước, sau khi hoàn thành, chủ đầu tư có trách nhiệm giao nộp sản phẩm theo quy định sau:

a) Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cơ bản quy định tại các Khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 8 Điều 21 Nghị định này giao nộp cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam;

b) Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành do các Bộ thực hiện từ nguồn vốn ngân sách trung ương giao nộp theo quy định của Bộ chủ quản đồng thời nộp một (01) bản sao cho Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, trừ thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Quốc phòng thực hiện phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh;

c) Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành quy định tại Điểm c Khoản 7 Điều 21 Nghị định này, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành khác thực hiện từ nguồn ngân sách địa phương giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ chuyên ngành do tổ chức, cá nhân tự bảo đảm kinh phí thực hiện, phải giao nộp một (01) bản sao thành quả cho cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ theo phân cấp quản lý.

3. Việc giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được thực hiện trong thời hạn ba (03) tháng kể từ khi công trình, dự án được hoàn thành và phải lập thành biên bản giao nộp sản phẩm kèm theo phiếu nhập kho sản phẩm.

Điều 24. Bảo mật thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; độ Mật do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Riêng thông

tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật, Tuyệt mật do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ có trách nhiệm:

a) Xác định mức độ bí mật đối với từng loại thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cụ thể phục vụ mục đích dân dụng thuộc phạm vi bí mật nhà nước dựa trên danh mục bí mật nhà nước thuộc độ Tối mật và Mật trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước đối với thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích dân dụng;

c) Lập danh mục thay đổi độ mật, giải bí mật nhà nước đối với thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích dân dụng trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Quyết định độ Mật đối với thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng thuộc phạm vi bí mật nhà nước dựa trên danh mục bí mật nhà nước thuộc độ Tối mật, Tuyệt mật trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định;

b) Ban hành và tổ chức thực hiện các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước đối với thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ liên quan đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng;

c) Quy định danh mục thay đổi độ mật, giải bí mật nhà nước đối với thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng.

Điều 25. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ không thuộc phạm vi bí mật nhà nước được cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân theo nhu cầu sử dụng.

2. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật cho cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam do cấp Cục trưởng (hoặc tương đương) ở các cơ quan, tổ chức ở Trung ương và Giám đốc Sở (hoặc tương đương) ở địa phương duyệt.

3. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật chỉ được cung cấp khi có yêu cầu bằng văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh), Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, người đứng đầu các cơ quan của Quốc hội, người đứng đầu các cơ quan của Trung ương Đảng, người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội.

4. Việc cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước cho tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được cấp có thẩm quyền duyệt cho phép theo quy định sau:

a) Văn bản xin phép cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Tối mật gửi đến Tổng cục An ninh - Bộ Công an để trình Bộ trưởng Bộ Công an duyệt (trừ lĩnh vực quốc phòng);

b) Văn bản xin phép cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước độ Mật được gửi đến người đứng đầu hoặc người được ủy quyền của cơ quan, tổ chức ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định cụ thể về quản lý, cung cấp và khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.

Điều 26. Thành lập, xuất bản và phát hành sản phẩm bản đồ

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức kinh tế và cá nhân được phép thành lập các thể loại sản phẩm bản đồ phù hợp với giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp; được quyền phổ biến sản phẩm của mình trên các phương tiện theo quy định của pháp luật; sản phẩm bản đồ thuộc diện bảo mật chỉ được xuất bản và phát hành tại cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ để phục vụ mục đích dân dụng và tại Bộ Quốc phòng, Bộ Công an để phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 27. Trao đổi quốc tế về thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ

1. Các loại thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi bí mật nhà nước không được trao đổi với nước ngoài, trong trường hợp cần thiết phải được phép của các cơ quan có thẩm quyền quyết định mức độ bí mật nhà nước được quy định tại Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Tổ chức và cá nhân được trao đổi với nước ngoài các loại ấn phẩm bản đồ, thông tin địa lý đã xuất bản.

3. Tổ chức và cá nhân công bố, phổ biến ra nước ngoài thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ, sản phẩm đo đạc và bản đồ chưa xuất bản phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ.

Điều 28. Xuất, nhập khẩu sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Các loại sản phẩm đo đạc và bản đồ đã được xuất bản, lưu hành hợp pháp tại Việt Nam và không thuộc phạm vi bí mật nhà nước được phép xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Nghiêm cấm nhập khẩu và lưu hành vào Việt Nam các sản phẩm đo đạc và bản đồ có nội dung vi phạm pháp luật dưới mọi hình thức.

Điều 29. Quyền sở hữu thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

2. Quyền tác giả đối với thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế có quyền được sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ thuộc quyền sở hữu của Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Chương IV**TRÁCH NHIỆM VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ****Điều 30. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường**

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về Hệ quy chiếu quốc gia.

3. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển, kế hoạch, chương trình mục tiêu, dự án trọng điểm về đo đạc và bản đồ cơ bản, đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt.

4. Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ; phổ biến, giáo dục pháp luật về đo đạc và bản đồ.

5. Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách trung ương, trừ các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

6. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ cơ bản quy định tại Điều 5 Nghị định này (trừ nhiệm vụ quy định tại Khoản 8 Điều 5) và các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

7. Phối hợp với Bộ Nội vụ thẩm định bản đồ và hồ sơ địa giới hành chính các cấp. Chủ trì thẩm định việc thể hiện đường địa giới hành chính trên các loại bản đồ trước khi xuất bản.

8. Chủ trì thẩm định việc thể hiện đường biên giới quốc gia trên các loại bản đồ.

9. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ cơ bản, đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý của Bộ.

10. Xây dựng, tổ chức và hướng dẫn hoạt động của các cơ sở kiểm định thiết bị đo đạc, đảm bảo dẫn xuất chuẩn quốc gia và phù hợp với hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương tiện đo.

11. Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

12. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

13. Chủ trì các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ.

Điều 31. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ liên quan đến nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về đo đạc và bản đồ thuộc lĩnh vực quốc phòng.

2. Lập, quản lý kế hoạch về đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng.

3. Tổ chức triển khai các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng quy định tại Điều 7 Nghị định này.

4. Quản lý, cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng theo quy định của pháp luật.

5. Cấp phép, giám sát hoạt động bay chụp ảnh, thu nhận thông tin, dữ liệu mặt đất trên các phương tiện bay phục vụ mục đích đo đạc và bản đồ; kiểm tra, giám sát các hoạt động đo đạc và bản đồ trong khu vực do Bộ Quốc phòng quản lý; tổ chức xóa mục tiêu quân sự trên không ảnh trước khi đưa vào sử dụng cho mục đích dân sự.

Điều 32. Trách nhiệm của các Bộ, ngành có liên quan

1. Các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm:

a) Xây dựng tiêu chuẩn, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật về đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý;

b) Phê duyệt các đề án, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của các Bộ, ngành khác và các địa phương;

c) Tổ chức triển khai các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ được giao theo thẩm quyền quy định tại Khoản 8, Khoản 10 Điều 5; Khoản 1 Điều 6 Nghị định này;

d) Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ, tổ chức lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý;

đ) Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý.

2. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thẩm định bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính các cấp.

3. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện việc phân giới, cắm mốc biên giới trên đất liền và phân định biên giới, ranh giới trên biển.

4. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý xuất bản và phát hành các ấn phẩm liên quan đến bản đồ.

Điều 33. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Thống nhất quản lý các hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức triển khai thành lập hệ thống bản đồ địa chính và các nhiệm vụ đo đạc và bản đồ được giao theo thẩm quyền quy định tại Khoản 8 Điều 5, Khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

3. Quản lý chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính, đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ các mục đích chuyên dụng của địa phương; quản lý công trình xây dựng đo đạc, quản lý thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ theo phân cấp; quản lý hoạt động xuất bản bản đồ tại địa phương.

4. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và xử lý vi phạm pháp luật về đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định của pháp luật.

5. Hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

6. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương;

b) Thẩm định về sự cần thiết, phạm vi, giải pháp kỹ thuật công nghệ của nội dung đo đạc và bản đồ trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ có sử dụng ngân sách nhà nước do các Sở, ngành của địa phương thực hiện.

Điều 34. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động đo đạc và bản đồ.

2. Giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

3. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

4. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản định chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện chủ quyền quốc gia, địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thời hạn theo thời hạn ghi trên giấy phép.

2. Tổ chức đã được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nếu có nhu cầu bổ sung nội dung hoạt động hoặc gia hạn giấy phép thì làm hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới theo quy định của Nghị định này.

3. Các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ đã nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ và văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ.

3. Bãi bỏ Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 102/2008/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 37. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng các Bộ, ngành có trách nhiệm hướng dẫn thi hành các điều, khoản được giao trong Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

Phụ lục

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 45/2015/NĐ-CP
ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ)*

Mẫu số 1a	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
Mẫu số 1b	Đơn đề nghị cấp bổ sung nội dung giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
Mẫu số 1c	Đơn đề nghị gia hạn giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
Mẫu số 1d	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
Mẫu số 2	Biên bản thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ
Mẫu số 3	Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ

Mẫu số 1a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập:.....

Số tài khoản:

Trụ sở chính:

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Căn cứ Nghị định số...../201.../NĐ-CP ngày... tháng.... năm 201... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ với các nội dung sau:

1.

2.

.....

.....

.....

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC

I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề¹

Đơn vị tính: Người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật
1	(Trắc địa)	05	02	0
2	(Địa chính)
...

2. Người chịu trách nhiệm theo pháp luật và Kỹ thuật trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên
1	(Nguyễn Văn A)	Giám đốc
2	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm

3. Danh sách nhân lực kỹ thuật đo đạc và bản đồ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Thâm niên
1	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm
2	(Nguyễn Văn C)	Nhân viên	Trung cấp địa chính
...

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị, công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1				
2				
3				
...			

Cam kết:..... (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Kê khai theo văn bằng chuyên môn.

Mẫu số 1b

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP BỔ SUNG NỘI DUNG
GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường

PHẦN I. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

Tên tổ chức:

Trụ sở chính:

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập:

Số tài khoản:

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ số....., ngày.... tháng.... năm...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép:
(các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm..... đến năm.....):

Số TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1					
2					
.....					

Căn cứ Nghị định số...../201...../NĐ-CP ngày tháng năm 201... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp bổ sung các nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ sau:

1.

2.

.....

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp bổ sung)

PHẦN II. KÊ KHAI NĂNG LỰC**I. LỰC LƯỢNG KỸ THUẬT**

1. Lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ phân tích theo ngành nghề²

Đơn vị tính: người

TT	Ngành, nghề	Đại học trở lên	Trung cấp, cao đẳng	Công nhân kỹ thuật	Thay đổi so với thời điểm được cấp phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Trắc địa)	07	01	0	+ 02 đại học; - 01 Trung cấp
2	...				
3	...				
...					

2. Người chịu trách nhiệm theo pháp luật và Kỹ thuật trưởng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Bằng cấp	Ghi chú
1	(Nguyễn Văn A)	Giám đốc
2	(Nguyễn Văn B)	Đội trưởng	Kỹ sư trắc địa	03 năm

II. THIẾT BỊ CÔNG NGHỆ

TT	Tên, mã hiệu của thiết bị công nghệ	Số lượng	Tình trạng	Thay đổi so với thời điểm được cấp phép (số lượng tăng/giảm)
1	(Toàn đạc điện tử)	03	+ 02
2				
3				
...				

Cam kết:..... (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

² Kê khai theo văn bằng chuyên môn.

Mẫu số 1c

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tổ chức:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập:

Người đại diện theo pháp luật:... (Họ và tên; chức vụ)

Kỹ thuật trưởng:..... (Họ và tên; trình độ chuyên môn; chức vụ)

Trụ sở chính:

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ: số...., ngày.... tháng.... năm...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép:
(các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm..... đến năm.....):

Số TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1					
2					
.....					

Căn cứ Nghị định số...../201.../ND-CP ngày tháng năm 201... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ,

Lý do đề nghị gia hạn: (nêu cụ thể lý do)

.....

Đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường gia hạn Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho..... (tên tổ chức).

Cam kết:.... (tên tổ chức) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này./.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 1d

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Kính gửi: Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam,
Bộ Tài nguyên và Môi trường

Tên tổ chức:

Giấy phép đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập:

Người đại diện theo pháp luật:

Kỹ thuật trưởng:.....

Trụ sở chính:

Số điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ được cấp số....., ngày.... tháng.... năm...

Báo cáo tóm tắt tình hình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp phép: (*các công trình đo đạc và bản đồ đã thực hiện từ năm..... đến năm.....*):

Số TT	Tên Công trình	Chủ đầu tư	Thời gian thực hiện	Địa điểm thực hiện	Ghi chú
1					
2					
.....					

Căn cứ Nghị định số...../201...../NĐ-CP ngày..... tháng.... năm 201..... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lại giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho..... (*tên tổ chức*).

Lý do đề nghị cấp lại giấy phép: (*nêu cụ thể lý do*):.....

Cam kết:..... (*tên tổ chức*) xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung kê khai này.

Người chịu trách nhiệm theo pháp luật
(*Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Mẫu số 2**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ

Ngày..... tháng..... năm..... tại..... (Trụ sở chính của tổ chức đề nghị cấp phép), đại diện Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..... đã tiến hành thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ của..... (tên tổ chức đề nghị cấp phép).

Thành phần của cơ quan thẩm định:

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

.....

Thành phần của tổ chức đề nghị cấp giấy phép:

1. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

2. (Ghi rõ họ, tên, chức vụ)

.....

I. Nội dung thẩm định:

1. Thẩm định tính hợp lệ của hồ sơ

Kết luận về sự đầy đủ và xác thực của các tài liệu trong hồ sơ theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ của tổ chức

a) Thẩm định thành phần lực lượng kỹ thuật:

(Đối chiếu số lượng và trình độ của lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức thể hiện trong các tài liệu như bảng lương, hợp đồng lao động, các quyết định của cơ quan có thẩm quyền liên quan đến nhân sự,... với lực lượng kỹ thuật kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ, nêu cụ thể về:

- Kỹ thuật trưởng: Họ và tên, chức vụ, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, hợp đồng lao động.

- Nhân lực kỹ thuật về đo đạc và bản đồ:

(Ví dụ:

+ Trắc địa: 02 kỹ sư; 03 trung cấp;

+ Địa chính: 01 kỹ sư; 02 trung cấp;)

Kết luận về lực lượng kỹ thuật đo đạc và bản đồ của tổ chức.

b) Thẩm định năng lực thiết bị công nghệ:

(Đối chiếu số lượng và tình trạng của thiết bị công nghệ đo đạc và bản đồ hiện có của tổ chức với kê khai trong hồ sơ).

Kết quả thẩm định năng lực thiết bị công nghệ, nêu cụ thể về tên/loại, số lượng của thiết bị đo đạc; các phần mềm chuyên ngành:

(Ví dụ:

- Thiết bị đo đạc: 01 máy toàn đạc điện tử; 01 máy thủy chuẩn;

- Thiết bị tin học:.....

- Các phần mềm công nghệ:.....).

Kết luận về năng lực thiết bị công nghệ về đo đạc và bản đồ của tổ chức.

II. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Nêu kết luận về tính hợp lệ, xác thực của hồ sơ; sự phù hợp giữa năng lực hoạt động đo đạc và bản đồ thực tế của tổ chức với kê khai trong hồ sơ.

2. Kiến nghị:

Căn cứ Nghị định số...../201.../NĐ-CP ngày tháng năm 201... của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ, đề nghị Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho..... *(tên tổ chức)* với các nội dung hoạt động sau:

a)

b)

.....

(Ghi rõ các nội dung hoạt động đề nghị cấp phép)

Biên bản này được lập thành ba (03) bản: 01 bản giao cho tổ chức đề nghị cấp giấy phép; 01 bản lưu tại Sở Tài nguyên và Môi trường; 01 bản gửi Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ./.

ĐẠI DIỆN
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH*
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)

** Ghi chú: Nếu đại diện cơ quan thẩm định không ký tên đóng dấu thì phải đóng dấu xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường.*

Mẫu số 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẶC VÀ BẢN ĐỒ

Số 0000

NĂM 0000

Tên tổ chức:.....
 Trụ sở tại:.....
 Điện thoại:.....

Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cấp phép nội dung hoạt động đo đạc và bản đồ:

1.
2.
3.
4.
5.
6.
7.

Có giá trị đến ngày tháng năm
 Hà Nội, ngày tháng năm 20

CỤC TRƯỞNG
CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Cấp bổ sung nội dung hoạt động:

1.
2.
3.

Hà Nội, ngày tháng năm 20

CỤC TRƯỞNG
CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

Gia hạn giấy phép

Gia hạn đến ngày tháng năm

Hà Nội, ngày tháng năm 20

CỤC TRƯỞNG
CỤC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

**Không được cho mượn, cho thuê, chuyển nhượng
 Chỉ được hoạt động trong phạm vi nội dung được cấp phép**